

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **140/2021/DS-PT.**

Ngày: 23/9/2021.

V/v “*kiện đòi tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng

Các thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2021/TLPT-DS ngày 17/8/2021 về việc: “*Kiện đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DSST ngày 07/07/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’Gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐPT-DS ngày 24/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Q. Địa chỉ: Số 125 N, TT Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Số 176 N, TT Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Thị L; địa chỉ: 29 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào ngày 28/01/2014 bà Lê Thị Q có cho bà Nguyễn Thị T có vay số tiền 50.000.000đồng, đến ngày 30/01/2014 bà Q lại cho bà T có vay tới số tiền 50.000.000đồng và ngày 16/02/2014 bà Q tiếp tục cho bà T vay số tiền 50.000.000đồng, tổng số tiền vay 03 lần là 150.000.000đồng. Vào ngày 26/01/2015 bà Q có bán cà phê cho bà T nên bà T còn nợ lại bà Q số tiền 236.330.000đồng. Bà T đã thanh toán cho bà Q 02 lần, lần 01 với số tiền

10.000.000đồng vào ngày 05/11/2015 và lần 02 bà T trả tiếp số tiền 70.000.000đồng, vào ngày 03/12/2018. Tổng số tiền trả là 80.000.000đồng. Bà T còn nợ lại bà Q số tiền là 306.330.000đồng nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền nêu trên.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T thừa nhận có vay tiền bà Q 3 lần mỗi lần 50.000.000đồng tổng 150.000.000đồng, tiếp đến vào ngày 26/01/2015 bà có nợ bà Q tiền bán cà phê 236.330.000đồng. Số lần vay và số tiền vay các lần như bà Q trình bày. Tuy nhiên, bà T đã thanh toán cho bà Q như sau: Trả vào tháng 02/2015 bà Q đưa bà Thơ 01 áp của ngân hàng S trả trước 95.000.000đ trong vòng 60 tháng mỗi tháng 2.217.473đ x 60 tháng, vào ngày 5/11/2015 bà T trả cho bà Q 10.000.000đồng. Đến ngày 10/12/2015 bà Q tiếp tục đưa bà T 01 áp của ngân hàng S để bà T trả tiếp 105.000.000đồng trong vòng 60 tháng, mỗi tháng 2.470.176đồng x 60 tháng. Và vào ngày 03/12/2018 bà T trả tiếp 70.000.000đồng. Như vậy, bà T đã trả cho bà Q các khoản sau: 95.000.000đồng + 10.000.000đồng + 105.000.000đồng + 70.000.000đồng = 280.000.000đồng tiền gốc và lãi là 81.258.951đồng. Tổng số tiền đã thanh toán cho bà Q cả gốc và lãi 361.258.951đồng còn nợ lại của bà Q 25.330.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DSST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Lê Thị Q số tiền 306.330.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2021, bị đơn Nguyễn Thị T kháng cáo với nội dung không chấp nhận khoản nợ 306.330.000đồng như nguyên đơn bà Q khởi kiện và chỉ đồng ý trả số tiền nợ còn lại là 25.330.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm: Về tố tụng Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng

đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: căn cứ vào giấy vay nhận nợ tiền thể hiện trong hồ sơ với số tiền 306.330.000đồng, phía bị đơn bà T cũng thừa nhận các lần vay và tổng số tiền nhưng đã thanh toán cho bà Q và chỉ còn nợ 25.330.000đồng. Tuy nhiên, bà T không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho những lần thanh toán tiền cho bà Q. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 37/2021/DSST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Q và yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà T thấy rằng: Việc vay mượn tiền giữa bà Q và bà T xuất phát là chị em dâu với nhau nên vào ngày 28/01/2014 bà Lê Thị Q có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 50.000.000đồng, đến ngày 30/01/2014 Q lại cho bà T có vay số tiền 50.000.000đồng và ngày 16/02/2014 bà Q tiếp tục cho bà T vay số tiền 50.000.000đồng, tổng số tiền vay là 150.000.000đồng. Tiếp đến vào ngày 26/01/2015 bà Q có bán cà phê cho bà T nên bà T còn nợ lại bà Q số tiền 236.330.000đồng, với tổng số tiền còn nợ là 386.330.000 đồng. Ngày 5/11/2015 bà T trả cho bà Q số tiền 10.000.000đồng và đến ngày 03/12/2018 bà T trả tiếp cho bà Q số tiền 70.000.000đồng. Bà T còn nợ lại bà Q là 306.330.000 đồng. Các lần vay tiền và số tiền của các lần vay của bà Q bà T đều thừa nhận.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q với số tiền 306.330.000 đồng vì bà T đã thanh toán cho bà Q vào tháng 02/2015 bà Q đưa bà T 01 áp của ngân hàng S trả trước 95.000.000đồng trong vòng 60 tháng mỗi tháng 2.217.473đồng x 60 tháng. Đến ngày 05/11/2015 bà T trả cho bà Q số tiền 10.000.000đồng, tiếp đến ngày 10/12/2015 bà Q đưa bà T 01 áp (phô tô) của ngân hàng S để bà T trả tiếp 105.000.000đồng trong vòng 60 tháng, mỗi tháng 2.470.176đ x 60 tháng. Và cuối cùng đến ngày 03/12/2018 bà T tiếp tục trả cho bà Q số tiền 70.000.000đồng. Vậy tổng số tiền bà T đã trả cho bà Q là 95.000.000đ + 10.000.000đồng + 105.000.000đồng + 70.000.000đồng = 280.000.000đồng. Cộng với phí sử dụng app trả tiền của ngân hàng S là

4.164.000đ và số tiền lãi bà T đã trả cho bà Q là và lãi là 81.258.951đồng. Do đó bà T chỉ thừa nhận còn nợ lại bà Q số tiền là 25.908.000đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ thừa nhận việc bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000đồng vào ngày 05/11/2015 và đến ngày 03/12/2018 bị đơn tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền 70.000.000đồng. Theo lời trình bày của bị đơn trả cho nguyên đơn qua app của ngân hàng S khoản tiền 95.000.000đồng và 105.000.000đồng, còn nguyên đơn cho rằng đây là khoản tiền mà bị đơn trả cho nguyên đơn trong khoản vay 200.000.000đồng và không liên quan đến khoản vay mà bà Q khởi kiện. lời trình bày trên của nguyên đơn bà Q hoàn toàn phù hợp với chứng cứ mà đương sự giao nộp có trong hồ sơ tại but lục số 47 với khoản vay 2000.000.000đồng vào ngày 16/12/2015 do chính bà T viết và ký họ và tên, đồng thời khoản vay trên không liên quan đến khoản vay mà bà Q khởi kiện tại Tòa án. Việc bà T cho rằng đã thanh toán cho bà Q tổng số tiền 361.258.951đồng nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là bà T đã thanh toán cho bà Q số tiền 361.258.000đồng. Về phía nguyên đơn chỉ thừa nhận bà T đã thanh toán cho bà Q 02 lần với số tiền 80.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 37/2021/DSST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 37/2021/DSST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện CưM' gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Lê Thị Q số tiền 306.330.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về án phí: Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 15.316.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Q khoản tiền tạm ứng đã nộp là 7.650.000 đồng, theo biên lai số AA/2019/0019941, ngày 26/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 60AA/2021/0001252 ngày 08/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CưM'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng